TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 04 - 6 - 2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Công.

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Sao Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Bương.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương* tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án thụ lý số: 43/2025/TLST-HNGĐ ngày 16/01/2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Bích Ly L, sinh năm: 1989; Nơi thường trú: 4 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú: 34 đường C, Phường A, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Trọng N, sinh năm: 1983; Nơi thường trú: 4 H, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi tạm trú: A khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Vũ Bích Ly L trình bày:

Bà Vũ Bích Ly L và ông Lê Trọng N tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B,

huyện P, tỉnh Bình Phước, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/08 ngày 18/02/2008.

Quá trình chung sống của vợ chồng bà Vũ Bích Ly L thời gian đầu hạnh phúc, có 03 người con chung tên Lê Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2007, con chung tên Lê Trọng N1, sinh ngày 13/7/2010 và con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 18/4/2013.

Sau đó, bà L và ông N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, hay cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Quá trình chung sống cùng ông Lê Trọng N thì bà L không nhận được sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ trong mọi công việc trong gia đình, ngoài ra ông Lê Trọng N không phụ giúp chăm sóc cho các con, không lo kinh tế gia đình, không quan tâm đến cuộc sống gia đình cùng bà L mặc dù đã nhiều lần gọi điện liên lạc nhưng không nói chuyện được. Do không sống chung được nữa nên bà L và ông N đã sống riêng từ năm 2014 đến nay, cả hai không có biện pháp gì hòa giải với nhau, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa.

Bà L xác định đời sống chung với ông Lê Trọng N không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Bích Ly L yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trọng N.

Về con chung: Bà L yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Lê Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2007, con chung tên Lê Trọng N1, sinh ngày 13/7/2010 và con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 18/4/2013, không yêu cầu ông Lê Trọng N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện công việc bận không tham gia phiên tòa được nên bà Vũ Bích Ly L yêu cầu được xét xử vắng mặt.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và không nộp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ trong quá trình tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do, không đến tham gia phiên tòa xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Vũ Bích Ly L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Lê Trọng N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, biên bản xác minh của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An tại Công an phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương cung cấp thể hiện bị đơn ông Lê Trọng N hiện đang sinh sống và có đăng ký tạm trú tại A khu phố B, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Bích Ly L và ông Lê Trọng N xác lập mối quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Bình Phước cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 08, quyển số 01/08 ngày 18/02/2008 nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà Vũ Bích Ly L khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Lê Trọng N với lý do: Vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, quá trình chung sống cùng ông Lê Trọng N thì bà L không nhận được sự quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ trong mọi công việc gia đình như: Chăm sóc con chung, kinh tế gia đình, bà L đã nhiều lần gọi điện liên lạc nhưng không nói chuyện được. Hiện vợ chồng đã sống riêng từ năm 2014 đến nay, cả hai không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp của vợ chồng. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà Vũ Bích Ly L và ông Lê Trọng N không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc. Do tình trạng hôn nhân của bà Vũ Bích Ly L và ông Lê Trọng N đã trầm trọng, đời sống chung không

thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Bích Ly L về việc ly hôn với ông Lê Trọng N.

[4.2] Về con chung: Bà Vũ Bích Ly L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 người con chung tên Lê Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2007, con chung tên Lê Trọng N1, sinh ngày 13/7/2010 và con chung tên Lê Quốc H, sinh ngày 18/4/2013. Xét thấy, từ thời điểm ông N và bà L sống riêng, các con chung vẫn chúng sống cùng bà L và được bà L chăm sóc tốt, đồng thời các con chung có ý kiến và nguyện vọng được sống cùng mẹ là bà Vũ Bích Ly L. Quá trình tố tụng, ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, bà Vũ Bích Ly L yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có cơ sở, phù hợp pháp luật, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Vũ Bích Ly L không yêu cầu ông Lê Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét đây là ý chí tự nguyện của bà L nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4.4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Vũ Bích Ly L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Vũ Bích Ly L.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Bích Ly L đối với ông Lê Trọng N về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Vũ Bích Ly L được ly hôn với ông Lê Trọng N.

- Về con chung: Giao 03 người con chung tên Lê Ngọc Quỳnh A, sinh ngày 18/12/2007, Lê Trọng N1, sinh ngày 13/7/2010 và Lê Quốc H, sinh ngày 18/4/2013 cho bà Vũ Bích Ly L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Vũ Bích Ly L không yêu cầu ông Lê Trọng N phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Vũ Bích Ly L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000631 ngày 10/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh